TOÀ ÁN NHÂNDÂN **HUYỆN NAM SÁCH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-ST
Ngày 26-3-2018
"V/v: ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Liên.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đắc Quýnh

Bà Nguyễn Minh Trang.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Sách.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách: Bà Nguyễn Thị La - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 26/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2018, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Chí T, sinh ngày 1975 - (vắng mặt);

HKTT và địa chỉ hiện nay: Tổ dân phố số 7 P, phường M, quận N, thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1976 - (vắng mặt);

HKTT: HKTT và địa chỉ hiện nay: Tổ dân phố số 7 P, phường M, quận N, thành phố Hà Nội;

Địa chỉ hiện nay: Thôn A, xã C, huyện N, Hải Dương;

- *Người làm chứng*:

Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1956 - (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện N, Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 02 năm 2018 cùng các bản tự khai nguyên đơn anh Nguyễn Chí T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị V tự nguyện kết hôn tại UBND xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 18/9/2015 (Giấy đăng ký số 56, quyển số 01-2015, ngày 18/9/2015). Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại Tổ dân phố số 7 P, phường M, quận N, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng trong việc làm ăn cũng như việc nuôi dạy con. Hai bên gia đình cũng đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Tháng 10/2017 chị V đã chuyển về huyện N, tỉnh Hải Dương sống. Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn.

Về quan hệ con chung: Không có;

Chị Nguyễn Thị V có 03 con riêng là cháu: Nguyễn Trung K, sinh ngày 20/01/2003, cháu Nguyễn Văn T sinh ngày 01/3/2004; cháu Nguyễn Thị Hải Y, sinh ngày 08/01/2008. Ngày 19/01/2017 anh đã nhận cháu K là con nuôi và đã được UBND phường M, quận N, thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận nuôi con nuôi. Hiện nay cháu K đang đi du học sinh tại Newzeland, anh đề nghị giao cháu K cho chị V tiếp tục nuôi cháu dưỡng, anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu K một tháng 600.000đồng kể từ tháng 3/2018 đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 23 tháng 02 năm 2018 chị Nguyễn Thị V trình bày, chị xác nhận thời gian và điều kiện kết hôn như anh T trình bày là đúng. Vợ chồng chị sống hạnh phúc 02 năm thì mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống. Tháng 10/2017 chị đã phải về quê chị ở xã C, huyện N sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay chị cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh T xin ly hôn chị đồng ý.

Về quan hệ con chung: Không có;

Chị có 03 con riêng như anh T trình bày là đúng. Quá trình vợ chồng chị chung sống, anh T quý cháu K nên đã làm thủ tục nhận cháu K làm con nuôi và đã được cấp Giấy chứng nhận nuôi con nuôi từ ngày 19/01/2017. Hiện nay cháu K đang đi du học sinh tại Newzeland. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi cháu K, anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu K một tháng 600.000đồng kể từ tháng 3/2018 đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ngày 23/02/2018 chị Nguyễn Thị V đề nghị: Vì chị phải đi làm ăn xa nên không thể về theo các giấy triệu tập của Tòa án huyện Nam Sách được. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án không phải hòa giải, giải quyết và xét xử vắng mặt chị.

Ngày 07 tháng 03 năm 2018, Tòa án huyện Nam Sách nhận được đơn đề nghị của cháu Nguyễn Trung K gửi từ Newzeland. Ý kiến của cháu K: Hiện nay cháu đang học tại trường Whangaparaoa Colleg Auckland Newzealand, nếu mẹ cháu và bố nuôi cháu ly hôn, nguyện vọng của cháu xin được ở với mẹ.

Anh Nguyễn Chí T xác nhận đơn đề nghị tại công văn đến của Tòa án ngày 7/3/2018 là đúng chữ ký và chữ viết của cháu K.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị M là chị dâu của chị V xác nhận: Anh T và chị V có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, sau khi kết hôn anh chị sống tại Hà Nội. Khoảng gần 01 năm nay chị V đã về sống tại nhà bố mẹ chồng chị. Khi biết vợ chồng chị V mâu thuẫn gia đình chị đã khuyên cả anh T và chị V về đoàn tụ nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng anh T không có con chung. Chị V có 03 con riêng. Cháu Nguyễn Trung K được anh T nhận làm con nuôi từ đầu năm 2017, hiện nay cháu đang đi du học tại Newzealand. Nay vợ chồng chị V chung sống được với nhau hay không do anh chị ấy quyết định.

Ngày 13/03/2018 anh Nguyễn Chí T có đơn đề nghị: Anh đã nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập anh đến phiên tòa vào ngày 26/03/2018. Do sức khỏe của anh không tốt, anh lại ở xa nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh. Quan điểm của anh vẫn giữ nguyên ý kiến xin ly hôn chị V. Về con: Anh giữ nguyên ý kiến để chị V trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trung K, anh cấp dưỡng nuôi cháu K cùng chị V một tháng 600.000đồng. Về tài sản anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt anh T và chị V là đúng pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án. Xử cho anh T ly hôn chị V. Về con: Chấp nhận sự thỏa thuận của anh T và chị V, giao cho chị V trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 20/01/2003 là con riêng của chị V và là con nuôi của anh T, anh T cấp dưỡng nuôi cháu K một tháng 600.000đồng kể từ tháng 3 năm 2018 đến khi con 18 tuổi; tài sản chung, nguyên, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Anh Nguyễn Chí T và chị Nguyễn Thị V đều có đơn xin xét xử vắng. Căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS. Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt chị anh T và chị V.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Chí T và chị Nguyễn Thị V kết hôn tuân thủ các điều kiện về kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân vợ chồng anh chị mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống và cách nuôi dạy con. Từ tháng 10/2017 đến nay anh chị đã ly thân và không quan tâm, không có trách nhiệm với nhau. Đến nay cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh T xin ly hôn chị V cũng nhất trí. Chứng tỏ mâu thuẫn giữa anh và chị đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không còn đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh T.

[3] *Về quan hệ con chung:* Chấp nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Chí T và chị Nguyễn Thị V, giao cho chị V trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 20 tháng 01 năm 2003 là con riêng của chị Nguyễn Thị V và là con nuôi của anh Nguyễn Chí T. Anh Nguyễn Chí T cấp dưỡng nuôi con cùng chị V một tháng 600.000đồng kể từ tháng 3 năm 2018 đến khi cháu Kđủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

[4] Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

[5] V*ề tài sản chung, nợ chung*: Không có, nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] *Về án phí:* Anh Nguyễn Chí T xin ly hôn và có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí dân sự ly hôn và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật phí và lệ phí 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 228; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho anh Nguyễn Chí T ly hôn chị Nguyễn Thị V.

2. Về con: Chấp nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Chí T và chị Nguyễn Thị V, giao cho chị V trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 20 tháng 01 năm 2003 là con riêng của chị Nguyễn Thị V và là con nuôi của anh Nguyễn Chí T. Anh Nguyễn Chí T cấp dưỡng nuôi con cùng chị V một tháng 600.000đồng kể từ tháng 3 năm 2018 đến khi cháu K đủ 18 tuổi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

2. *Về án phí*: Anh Nguyễn Chí T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm dân sự và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được đối trừ với 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí anh đã nộp tại biên lai số AA/2016/000 2161 ngày 23/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách.

Anh Nguyễn Chí T và chị Nguyễn Thị V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát huyện Nam Sách;
- Chi cục THA dân sự huyện Nam Sách;
- UBND xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thị Liên